

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Dũng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hữu Linh, ông Lưu Văn Toan
Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thúy Hằng, là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân
Khu vực 9 - Đắk Lắk
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa:*
Ông Trương Công Luật - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2026/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2026 về việc: *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 04 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc T; Sinh năm 2000; CCCD số 0663.0000.8134, cấp ngày 14 tháng 3 năm 2025.

Địa chỉ: Thôn 2A, xã Ea D, tỉnh Đắk Lắk.

Chỗ ở: Thôn 9, xã E, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

Bị đơn: Ông Huỳnh Xuân H; Sinh năm 1989; CCCD số 0660.8900.9395, cấp ngày 08 tháng 9 năm 2022.

Địa chỉ: Thôn 2A, xã Ea D, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Ngọc T trình bày tóm tắt:

Bà với ông Huỳnh Xuân H là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 04 tháng 4 năm 2019, tại UBND xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Nay là UBND xã Ea D, tỉnh Đắk Lắk). Ông bà có 01 con chung là Huỳnh Minh A, sinh ngày 02 tháng 4 năm 2020.

Trong quá trình chung sống, ông bà có quá nhiều mâu thuẫn, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau dẫn đến tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống

chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Sau khi ly hôn, bà có nguyện vọng chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành. Vì bà là người có thu nhập ổn định, còn ông Hòa không có công ăn việc làm. Hơn nữa cháu Anh đã ở với bà từ nhỏ. Mặt khác cháu Anh là con gái nên việc bà chăm sóc sẽ thuận tiện hơn. Ngoài ra ông H là người đã có tiền án, tiền sự. Năm 2022, ông H bị Tòa án tuyên phạt 03 năm tù.

Về cấp dưỡng nuôi con: Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, bà yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con mức 3.000.000đ/tháng. Tuy nhiên tại phiên tòa, bà thay đổi nội dung đơn khởi kiện, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H cấp dưỡng. Trường hợp phát sinh tranh chấp, bà khởi kiện bằng vụ án khác.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, ông Huỳnh Xuân H trình bày tóm tắt:

Ông với bà Nguyễn Thị Ngọc T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 04 tháng 4 năm 2019, tại UBND xã Ea R, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Nay là UBND xã Ea D, tỉnh Đắk Lắk). Ông bà có 01 con chung là Huỳnh Minh A, sinh ngày 02 tháng 4 năm 2020.

Mặc dù ông với bà T có mâu thuẫn, nhưng chưa đến mức phải ly hôn nên ông không đồng ý ly hôn. Về con chung: Nếu ly hôn, ông có nguyện vọng nuôi con. Còn về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung, ông cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Giấy chứng nhận kết hôn của UBND xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk chứng nhận:

Ông Huỳnh Xuân H kết hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc T ngày 04 tháng 04 năm 2019.

Tại Hợp đồng lao động ngày 02 tháng 01 năm 2026 thể hiện nội dung tóm tắt như sau:

Bà Nguyễn Thị Ngọc T làm việc tại Hộ kinh doanh Nhật H và có thu nhập 6.000.000đ/tháng + phụ cấp.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Khẳng định Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đầy đủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Bị đơn được triệu tập lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chấp nhận nội dung khởi kiện của bà T, cho bà T ly hôn với ông H. Về con chung: Giao con chung cho bà T chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về án phí, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thụ lý vụ án:

+ Bà T và ông H là vợ chồng (Có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật). Hiện nay, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con. Như vậy quan hệ pháp luật ở đây là: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

+ Bà T khởi kiện và có nộp tiền tạm ứng án phí. Ông H trú ở xã Ea D, tỉnh Đắk Lắk, vì vậy Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Đắk Lắk căn cứ vào các Điều 35; 39; khoản 3 Điều 195 của BLTTDS để thụ lý vụ án.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng các bên đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án. Ông H vắng mặt tại phiên tòa, vì vậy Tòa án căn cứ Điều 227 của BLTTDS tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[3]. Về nội dung quan hệ pháp luật có tranh chấp:

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà T, thì Hội đồng xét xử xét thấy:

+ Về quan hệ hôn nhân:

Trong thời kỳ hôn nhân, bà T và ông H phát sinh mâu thuẫn dẫn đến ông bà không còn sống chung, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T và chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, cho bà T ly hôn với ông Hòa.

+ Về con chung:

Sau khi ly hôn, bà T có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ông Hòa không đồng ý, thì xét thấy cháu A là con gái, hiện nay cháu còn nhỏ nên việc chăm sóc của bà T tiện lợi hơn ông H. Hơn nữa bà T có thu nhập ổn định, ông H không chứng minh được thu nhập. Do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T và chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, giao con chung cho bà T nuôi dưỡng.

Quá trình nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, các bên có nguyện vọng thay đổi người trực tiếp nuôi con, thì yêu cầu Tòa án giải quyết theo thủ tục tố tụng.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, bà T yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/tháng. Nhưng tại phiên tòa, bà T thay đổi nội dung khởi kiện không yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H cấp dưỡng. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Trường hợp các bên có nguyện vọng thay đổi nội dung yêu cầu và mức cấp dưỡng, thì thực hiện theo thủ tục tố tụng dân sự.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4]. Về án phí: Vì đây là vụ án ly hôn, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, thì nguyên đơn (Bà T) vẫn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ các Điều 51; 56; 58; 81; 82; 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc T về việc yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con.

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Ngọc T ly hôn với ông Huỳnh Xuân H.

+ Về con chung:

Giao cháu Huỳnh Minh A, sinh ngày 02 tháng 04 năm 2020 cho bà Nguyễn Thị Ngọc T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Ông H có quyền, nghĩa vụ chăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp ông H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, thì bà T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông H.

Quá trình nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, các bên có nguyện vọng thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng, thì yêu cầu Tòa án giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí mà bà Nguyễn Thị Ngọc T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002187 ngày 05 tháng 3 năm 2026.

3. Về quyền và thời hạn kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Khu vực 9 – Đắk Lắk;
- UBND xã E, tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đỗ Văn Dũng